

Số: *1055* /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày *19* tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung tại Điều 1  
Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh  
về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình  
Dự án: **Kè chống sạt lở bờ biển thôn Kỳ Xuyên,  
xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án: Kè chống sạt lở bờ biển thôn Kỳ Xuyên, xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi;*

*Căn cứ Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Kè chống sạt lở bờ biển thôn Kỳ Xuyên, xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 147/TTr-BQL ngày 09/7/2021 và đề xuất của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2054/SNNPTNT-QLXDCT ngày 14/7/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh nội dung tại khoản 11, khoản 13 và khoản 17 Điều 1 Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

1. Điều chỉnh nội dung tại khoản 11 Điều 1 về phương án xây dựng như sau:

a) Thông số kỹ thuật chủ yếu:

TT	Nội dung	Đơn vị	Theo Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	Điều chỉnh tại Quyết định này
1	Chiều dài kè	m	1.050	1.050
2	Cao trình đỉnh kè	m	+3,00	+3,00
3	Cao trình đỉnh tường chắn sóng	m	+4,00	+3,80
4	Cao trình đỉnh chân kè	m	+0,00	+0,00
5	Chiều rộng đỉnh kè	m	5,00	5,00
6	Hệ số mái thân kè		3,00	2,50
7	Kết cấu đỉnh kè		Bê tông M300, dày 20cm	Bê tông M300, dày 20cm
8	Kết cấu thân kè		Tấm bê tông liên kết âm dương 4 cạnh kích thước (60x60x40)cm lát trong khung dầm bê tông cốt thép	Tấm bê tông liên kết âm dương 4 cạnh kích thước (70x70x50)cm lát trong khung dầm bê tông cốt thép
9	Kết cấu chân kè		Cừ dự ứng lực SW400B dài L=6m, kết hợp đá hộc thả rời hệ chân	Cừ dự ứng lực SW400A dài L=6m, kết hợp đá hộc thả rời hệ chân
10	Công thoát nước	cái	09	09
11	Bạc cấp	cái	10	10

b) Giải pháp thiết kế chủ yếu:

b1) Chân kè: Bằng cừ ván bê tông cốt thép dự ứng lực SW400A dài 6m; dầm liên kết mũ cừ bằng bê tông cốt thép M300, bảo vệ chân kè phía ngoài bằng đá hộc thả rời có đường kính  $D \geq 40$  cm, trọng lượng viên đá đổ  $P \geq 80$ kg.

b2) Thân kè: Nền thân kè bằng đá hộc thả rời kết hợp đá (4x6)cm; mái kè gia cố bằng khối bê tông đúc sẵn kích thước (70x70x50)cm có gờ liên kết âm dương đặt trong khung bê tông cốt thép M300; bên dưới có tầng lọc bằng lớp đá dầm (1x2)cm dày 15cm, vải địa kỹ thuật.

b3) Đỉnh kè: Đỉnh mặt kè có đường quản lý kết hợp giao thông (B=5,0m) làm bằng bê tông M300 đổ tại chỗ dày 20cm, phía dưới là lớp bạc nhựa chống thấm, bên dưới là lớp cấp phối đá dăm dày 15 cm, lớp đá (4x6)cm và dưới cùng là đá hộc. Gia cố chống sạt lở mái phía khu dân cư bằng bê tông M250 đá (1x2)cm kết hợp đá hộc xếp khang dày 30cm.

b4) Tường chắn sóng: Bằng bê tông cốt thép M300.

b5) Công trình trên kè: Bằng bê tông và bê tông cốt thép.

2. Điều chỉnh nội dung tại khoản 13 Điều 1 như sau:

Tổng mức đầu tư xây dựng điều chỉnh: 70.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng*), trong đó:

*Đơn vị tính: Đồng*

Khoản mục chi phí	Theo Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	Điều chỉnh tại Quyết định này	Chênh lệch, tăng (+), giảm (-)
- Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	1.081.122.000	1.081.122.000	0,0
- Chi phí xây dựng	58.284.263.487	59.431.885.148	+1.147.621.661
- Chi phí quản lý dự án	1.230.857.673	1.249.150.168	+18.292.495
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	4.356.663.773	4.471.378.368	+114.714.595
- Chi phí khác:	1.592.249.255	1.238.675.920	-353.573.335
- Chi phí dự phòng	3.454.843.812	2.527.788.397	-927.055.415
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>0,0</b>

3. Điều chỉnh nội dung tại khoản 17 Điều 1 như sau:

Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020-2022.

**Điều 2.** Chủ đầu tư chịu trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt, triển khai thực hiện dự án đảm bảo chất lượng, tiến độ và đưa dự án vào sử dụng phát huy tốt hiệu quả.

2. Thực hiện đầy đủ các nội dung kiến nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2054/SNNPTNT-QLXDCT ngày 14/7/2021 về việc thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh; Chủ tịch UBND xã Tịnh Kỳ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh339).

**CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Minh**